

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N K
THÀNH PHỐ C T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 313/2020/QĐST-HN

N K, ngày 29 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N K, THÀNH PHỐ C T**

Căn cứ các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các 55, 57,58, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 682/2020/TLST-HN ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Chế M H**, sinh năm 1973;

ĐKTT: 22/23/37/6 Mạc Đình Chi, phường A C, quận N K, thành phố C T.

2. Bà **Trần T L**, sinh năm 1975;

ĐKTT: ấp Thới Nguơn B, xã P T, quận Ô M, thành phố C T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét quá trình chung sống của ông bà phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cự cãi, không còn tiếng nói chung, đời sống chung không hạnh phúc. Nay thấy hôn nhân của ông bà thực sự không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc yêu cầu thuận tình ly hôn của ông H và bà L là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Chế M P (Nam), sinh ngày 05/11/1999 và Chế M L (Nam), sinh ngày 17/03/2009. Đối với cháu Phước đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết và cháu Lộc thì các bên thống nhất giao cho bà Loan nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông H không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L và ông H mỗi người chịu 150.000 đồng. Bà Loan đồng ý đóng thay cho ông H.

Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần T L và ông Chế M H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Chế M P (Nam), sinh ngày 05/11/1999 và Chế M L (Nam), sinh ngày 17/03/2009. Đối với cháu P đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết và cháu Lộc thì các bên thống nhất giao cho bà L nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông H không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông H và bà L mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm, bà L đồng ý đóng thay cho ông H, khấu trừ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà bà L đã đóng theo Biên lai thu số 003368 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N K, thành phố C T thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận N K, TP. C T;
- UBND phường A C, Q. N K, TP. C T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ HỒNG GÁM